

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**Tập 102****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa****Giáo dục: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm mười tám, dòng thứ năm từ dưới đếm lên, đọc từ chỗ “*Hựu Chân Giải*”.

“*Hựu Chân Giải* cứ từng quả hương nhân nghĩa, thích vân: Như Lai nhất thiết công đức bảo tạng, Phật quả công đức dã. Thử chi công đức đại bảo hải, thuyết ngôn Phật pháp tạng, tức thị Phật sở đắc Nhất Thừa dã” (Lại nữa, sách Chân Giải dựa theo ý nghĩa từ quả hương đến nhân, nên giải thích như sau: “Kho báu hết thảy công đức của Như Lai chính là công đức nơi Phật quả. Biện cả các thứ vật báu công đức ấy được gọi là Phật pháp tạng, chính là pháp Nhất Thừa do Phật đã đạt được”). Đây là đoạn văn trích từ sách Chân Giải. Người Trung Quốc nói “*chư Phật Như Lai thả chiếc bè Từ*”, cũng có nghĩa là các Ngài đã thành Phật rồi, vì độ chúng sanh mà lập phương tiện, chẳng dùng thân Phật, vì sao? Phật ở địa vị thầy, học trò nhất định phải tôn trọng thầy, đó là “*tôn sư trọng đạo*”. Nếu học trò nghiệp chướng rất nặng, tập khí rất nhiều, chẳng biết hiếu thuận cha mẹ, mà cũng chẳng biết tôn kính sư trưởng, lúc đó, Phật độ kẻ ấy như thế nào? Chắc chắn Phật chẳng dùng đến thân phận Phật, mà dùng thân phận Bồ Tát. Thân phận Bồ Tát rất nhiều, như trong phẩm Phổ Môn đã giới thiệu ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, trừ thân Phật ra, những thân khác đều là phương tiện thiện xảo. Nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy, chẳng có mảy may câu thúc nào! Đúng là “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*” nên mới có thể lợi ích chúng sanh. Từ chỗ này cũng khiến cho chúng ta thấu hiểu: Chư Phật, Bồ Tát từ bi chân thật, xác thực là các Ngài chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, hoàn toàn thuận theo tâm ưa muốn của chúng sanh, tùy thuận tập khí phiền não của chúng sanh. Do vậy, Phật, Bồ Tát muốn độ súc sanh, nhất định hiện thân súc sanh, muốn độ ngựa quý nhất định hiện thân ngựa quý. Chẳng phải là thân đồng loại sẽ chẳng dễ tiếp xúc; do vậy, Ngài nhất định phải hiện thân đồng loại. Đó là “*từ quả hương tới nhân*”, dùng ý nghĩa này để giải thích “*Phật pháp tạng*”.

“*Như Lai nhất thiết công đức bảo tạng*” là nói về tự tánh. Tự tánh của chúng ta vốn trọn đủ vô lượng vô biên công đức, “*bảo tạng*” là tỷ dụ. Nếu người thế gian có được kho báu (bảo tạng), sẽ có nhiều của cải, chẳng hững hờ chịu nổi khổ bần cùng, mang ý nghĩa này. “*Bảo*” (寶: của báu) có tác dụng, giúp chúng ta đạt được lợi ích thù thắng, công đức vốn trọn đủ trong tự tánh cũng mang ý nghĩa này. Công đức trong tự tánh khai phát, đó là phước huệ viên mãn. Không chỉ là trí huệ viên mãn, mà phước báo cũng viên mãn, cho nên gọi là “*bảo tạng*”. Câu kế tiếp là “*Phật quả công đức dã*” (là công đức nơi Phật quả), Bồ Tát chúng đạt quả vị rốt ráo, chúng đắc Phật quả rốt ráo viên mãn, trọn đủ công đức nơi quả địa, các công đức trong tự tánh đều khởi tác dụng viên mãn. “*Thử chi công đức đại bảo hải, thuyết ngôn Phật pháp tạng*” (biện cả các thứ báu công đức ấy được gọi là Phật pháp tạng), công đức nơi quả địa được gọi là Phật pháp tạng. Phật pháp, kho báu Phật

pháp, “*tức thị Phật sở đắc Nhất Thừa dã*” (chính là Nhất Thừa do Phật đạt được), Ngài chứng đắc pháp Nhất Thừa, [đó là] Nhất Thừa viên mãn. Nhất Thừa là Phật Thừa, Đại Thừa là Bồ Tát Thừa, Tiểu Thừa là Thanh Văn, Duyên Giác, ở đây là nói đến pháp viên mãn rốt ráo.

“*Chân Giải chi thuyết, hiển hội trung chư Bồ Tát giai thị đại quyền thị hiện*” (Thuyết của sách Chân Giải đã chỉ rõ các Bồ Tát trong hội đều là bậc đại quyền thị hiện). Tác phẩm chú giải kinh Vô Lượng Thọ của thiền sư Đạo Ân người Nhật có tựa đề là [Vô Lượng Thọ Kinh] Chân Giải. Qua lời giải thích trong câu này, Sư đã chỉ rõ trong hội ấy của đức Thế Tôn tại Linh Sơn thuở đó, các vị Bồ Tát tham dự pháp hội số tới một vạn hai ngàn người đều là bậc Đại Quyền Thị Hiện, đều là chư Phật, Bồ Tát hiện đến, đều là Pháp Thân đại sĩ thị hiện, [do vậy gọi] là “*tùng quả hướng nhân*” (từ quả hướng đến nhân). Những vị ấy “*dĩ nhập Như Lai Nhất Thừa quả hải*” (đã nhập biển quả Nhất Thừa của Như Lai), Như Lai là tự tánh. Tự tánh vốn tự trọn đủ trí huệ và đức tướng, ở đây gọi là “*Như Lai Nhất Thừa quả hải*” đều được chứng đắc rốt ráo viên mãn. “*Đản bất xả nhân hạnh*” (nhưng chẳng bỏ các hạnh [đã hành] trong khi tu nhân), “*nhân*” (因) [ở đây] là chưa chứng quả, giống như trong hiện thời chúng ta đều đang thuộc nhân địa (đang tu nhân). Nhân địa: Từ sơ phát tâm mãi cho đến khi [chứng đắc] Đăng Giác đều là nhân, Diệu Giác mới là quả vị. Chư Phật Như Lai tuy đã ở địa vị Diệu Giác vẫn chẳng bỏ nhân hạnh (hạnh trong khi tu nhân), đến giúp Thích Ca Mâu Ni Phật, đến làm một đũa học trò tu học hòng nêu gương tốt đẹp, các Ngài làm gương cho chúng ta, được gọi là Ảnh Hưởng Chúng trong đại chúng. “*Cố lai hội tán trợ Thích Tôn*” (nên đến pháp hội giúp đỡ đức Thích Ca), giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa hết thấy chúng sanh, đến như vậy đó! Chúng ta học “*nhập Phật pháp tạng*” tới đây!

Tiếp đó là nói “*cứu cánh bỉ ngạn*” (rốt ráo đạt đến bờ kia), “*cứu cánh giả, chí cực chi nghĩa*” (Cứu cánh nghĩa là đạt tới cùng cực). Đạt tới chỗ “*đăng phong tạo cực*”, [tức là] chẳng còn có gì cao hơn được nữa, đã đạt tới tuyệt đỉnh! “*Bỉ ngạn*” (彼岸) là trở về tự tánh, tự tánh là bỉ ngạn. Minh tâm kiến tánh như Thiền Tông đã nói chính là “*bỉ ngạn*”, giáo pháp Đại Thừa thường gọi “*minh tâm kiến tánh*” là “*vọng tận hoàn nguyên*” (hết vọng, trở về nguồn). Hoàn nguyên (還源) là bỉ ngạn, hoàn nguyên là trở về tự tánh. Trong Tịnh Độ Tông, trở về Thường Tịch Quang là “*bỉ ngạn*”. “*Trí Độ Luận vân*” [nghĩa là] trong Đại Trí Độ Luận có nói: “*Ba La*”, tiếng Phạn là Ba La, Tâm Kinh nói Ba La Mật (Pāramitā), ở đây, tinh lược âm Mật ở cuối, [Ba La] chính là Ba La Mật. “*Tần ngôn bỉ ngạn*” (tiếng Hán gọi là “bờ kia”), khi ấy, Cưu Ma La Thập đại sư ở Trung Quốc, địa phương Ngài ở có tên gọi là Tần, cho nên [tiếng Hán] được gọi là “*Tần ngôn*”, [tức là ngôn ngữ của] nước Tần. Chỗ ấy nay thuộc hành lang Hà Tây¹, thuộc khu vực tỉnh Cam

1 Hành lang Hà Tây (Hà Tây tẩu lang: 河西走廊) còn gọi là Cam Túc Tẩu Lang, kể từ rặng Ô Tiêu ở phía Đông cho đến ải Ngọc Môn ở phía Tây, nằm giữa Nam Sơn (gồm các rặng Kỳ Liên Sơn, Altyn-Tagh) và Bắc Sơn (Mã Tông Sơn, Hợp Lê Sơn và Long Thủ Sơn). Đây là một vùng bình địa dài và hẹp, trông giống như một hành lang nên được gọi là “*hành lang*”. Lại do vùng này nằm ở phía Tây Hoàng Hà nên gọi là Hà Tây Tẩu Lang. Khu vực này bao gồm khu vực Lan Châu của tỉnh Cam Túc, tức là bao gồm bốn quận Vũ Oai (tức Lương Châu thời cổ), Trường Dịch (thời cổ là Cam Châu), Từ Tuyền (Túc Châu) và Đôn

Túc, thườ ậy gọi là “*Tần quốc*”. Đây là nói về tiếng Hán, Ba La Mật dịch sang tiếng Hán là Bỉ Ngạn (bờ kia). “*Hưu vân*” (lại nói), giải thích thêm: “*Dĩ sanh tử vi thử ngạn, Niết Bàn vi bỉ ngạn*” (coi sanh tử là bờ này, coi Niết Bàn là bờ kia). Sanh tử là lục đạo, lục đạo luân hồi có Phần Đoạn sanh tử, đó là bờ bên này. Niết Bàn là bờ bên kia, Niết Bàn là bất sanh, bất diệt. Chứng đắc Niết Bàn sẽ bất sanh, bất diệt.

Niết Bàn có rất nhiều ý nghĩa, ở đây trích dẫn kinh Niết Bàn để nói: “*Niết Bàn Kinh vân: Bỉ ngạn giả, dụ Như Lai dã*” (Kinh Niết Bàn dạy: “Bờ kia ví như Như Lai”). Như Lai là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm, sẽ thấy trong Viên Giáo, từ Sơ Trụ Bồ Tát trở lên đều được gọi là Như Lai. Các Ngài sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó là kiến tánh, nên được gọi là Như Lai. Do vậy, đối với [danh xưng] Như Lai, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều có thể gọi là Như Lai, địa vị có cao hay thấp khác biệt, quả vị rất ráo là địa vị Diệu Giác. Ở đây, vận dụng cả hai ý nghĩa ấy đều hợp lý. “*Thị dĩ Tịnh Ảnh sư thích cứu cánh Niết Bàn*” (do vậy, ngài Tịnh Ảnh giải thích từ ngữ “Niết Bàn rất ráo”), Ngài đã nói mấy câu như sau: “*Chương quả tất cánh, Niết Bàn bỉ ngạn, đáo danh Cứu Cánh*” (Nêu rõ quả rất ráo, Niết Bàn là bờ kia, đạt đến [quả vị ấy] sẽ gọi là “rất ráo”). “*Chương*” (彰) là tỏ rõ, Bồ Tát tu chứng quả vị đã đạt đến rất ráo viên mãn rồi, nên nói là “*tất cánh*”, quả vị tu hành đạt tới địa vị “*tất cánh*” (畢竟). “*Tất*” (畢) là nói chúng ta đã tốt nghiệp, đã hoàn tất, đã học xong tất cả các khóa học rồi, Cánh (竟) cũng có ý nghĩa “viên mãn”. Đã đạt đến bờ kia Niết Bàn, đó là “*cứu cánh*” (究竟). Ý nghĩa này được nói theo địa vị Diệu Giác, nếu mở rộng ra, cũng có thể nói bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều thật sự tu chứng bờ kia rất ráo. Tiếp đó, cụ Hoàng ghi thêm lời tiểu chú: “*Sớ vị chương minh dĩ đắc chí cực chi giác quả, đáo đạt Niết Bàn bỉ ngạn, danh vi cứu cánh*” (Lời Sớ có ý giảng rõ: Đã đạt đến địa giác quả tột bậc, đạt đến bờ kia Niết Bàn, nên gọi là “rất ráo”). Đây là bổ sung ý nghĩa, tức là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều đạt tới rất ráo viên mãn, chứng đắc quả vị cao nhất là địa vị Diệu Giác, đó là “*cực chi giác quả*” (quả giác tột bậc), tức là địa vị Diệu Giác, đều là Phật quả viên mãn. “*Án Chân Giải ý, tắc vi chứng nhập Phật chi Nhất Thừa đại công đức bảo hải, khế Phật sở đắc Niết Bàn*” (Xét theo ý của sách Chân Giải thì [cứu cánh bỉ ngạn] là chứng nhập biển báu đại công đức Nhất Thừa, khế hợp Niết Bàn do Phật đã chứng đắc). Hai vị Tịnh Ảnh và pháp sư Đạo Ân nói đến cùng một chuyện, cùng một cảnh giới.

“*Thị chư đại sĩ, viên chứng quả đức dĩ, tùng quả hướng nhân, tuân Phổ Hiền đức, phổ hiện thập phương, lai pháp hội trung, đồng hoằng tịnh pháp*” (Các vị đại sĩ ấy đã chứng trọn vẹn quả đức, bèn từ quả hướng đến nhân, tuân theo phẩm đức Phổ Hiền, hiện khắp mười phương, đến trong pháp hội [Vô Lượng Thọ] để cùng hoằng dương tịnh pháp). Đây là nói rõ những vị đại sĩ từ mười phương đến tham dự pháp hội, dùng thân phận Bồ Tát để đến nơi đây; nhưng các vị Bồ Tát đó đều đã thành Phật, từ quả hướng đến nhân,

Hoàng (Sa Châu), kẻ cả Tây An (kinh đô Trường An thời cổ). Do vùng này thuộc lãnh thổ nước Tần thời Chiến Quốc, nên khi các lãnh chúa chiếm giữ vùng này xưng đế, đều lấy quốc hiệu là Tần.

người Hoa nói là “*thả chiếc bè Từ*”, vẫn tuân hành phẩm đức Phổ Hiền, hiện thân trong khắp mười phương. Có ý nghĩa ấy, dụng ý ở chỗ này: “*Tuân Phổ Hiền đức, phổ hiện thập phương*”. Từ chỗ này, chúng ta thấu hiểu phẩm đức của ngài Phổ Hiền chẳng thể nghĩ bàn! “*Phổ hiện thập phương*” chính là thể hiện nguyện cuối cùng trong mười nguyện Phổ Hiền, tức là nguyện “*phổ giai hồi hướng*”. Dùng gì để hồi hướng? Phải dùng thành quả tu hành của chính mình, dùng vô tận phương tiện thiện xảo để giúp hết thảy chúng sanh trong mười phương thế giới giác ngộ, viên thành Phật đạo, đó là “chân hồi hướng”. Hồi hướng không phải là nói suông, mà phải dùng công đức chân thật, các Ngài thể hiện ý nghĩa này! Do vậy, các Ngài đến pháp hội, “*đông hoàng tịnh pháp*” (cùng hoàng dương tịnh pháp), “*tịnh pháp*” là Tịnh Độ Tông, tức là pháp môn Tịnh Độ Tông, cùng với Thích Ca Mâu Ni Phật chung sức hoàng dương pháp môn này.

Tiếp đó [trích dẫn] lời cư sĩ Bành Tế Thanh: “*Hành quyền phương tiện, nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn*” (Hành phương tiện quyền biến, nhập Phật pháp tạng, đạt đến bờ kia rốt ráo). Hành quyền phương tiện ngay trong cuộc sống hằng ngày, từ sáng đến tối khởi tâm động niệm, sinh sống, làm việc, đãi người, tiếp vật đều phải thị hiện sống động. Thị hiện gì vậy? Thị hiện nhập Phật pháp tạng, đạt đến bờ kia rốt ráo. Ở đây cũng phải giải thích đơn giản một chút, nhập Phật pháp tạng là trong cuộc sống hằng ngày sẽ giống như Phật. Chúng ta phải thấu hiểu Thích Ca Mâu Ni Phật từ sáng đến tối sống như thế nào thì quý vị mới có thể học theo. Suốt đời, Thích Ca Phật chỉ làm một chuyện, trừ chuyện ấy ra, chuyện gì cũng chẳng có. Chuyện ấy là giáo hóa chúng sanh, [chỉ có] một chuyện ấy. Vậy thì chúng ta hiểu, ở nơi đây, “*hành quyền phương tiện*” [chính là vận dụng] phương tiện thiện xảo để giáo hóa chúng sanh. Đó là độ thoát hết thảy. Giáo hóa chúng sanh nhằm mục tiêu nào? Phải biết: Giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ thì công lao giáo hóa to lớn đã hoàn thành. Do vậy, đức Thế Tôn đã thật sự thực hiện viên mãn câu “*thân hành ngôn giáo*” như cổ thánh tiên hiền Trung Quốc đã nói. Thân biểu hiện bằng gì? Giới luật, [kinh điển] ghi lại ngôn hạnh, cử chỉ của đức Thế Tôn, đó là giới luật. Thực hiện viên mãn, bắt đầu từ Thập Thiện Nghiệp Đạo cho đến Bồ Tát đại giới, [những điều ấy] đều được biểu hiện trong cuộc sống hằng ngày, đó là “*thân hành*”. Về kinh điển, thuở ấy, đức Thế Tôn giáo hóa hết thảy đại chúng, do căn tánh của hết thảy đại chúng chẳng giống nhau, có người căn tánh thượng thượng thừa, đức Phật giảng cho họ pháp Nhất Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa. Có người là căn tánh Đại Thừa, đức Phật giảng cho họ những kinh Đại Thừa như Bát Nhã, Phương Đẳng. Có kẻ căn tánh Tiểu Thừa, đức Phật giảng cho họ Tứ A Hàm. Còn có kẻ căn tánh nhân thiên, ngay cả [các pháp] Thanh Văn, Duyên Giác họ đều chẳng màng, căn tánh của họ là nhân thiên. Hiện thời toàn thể chúng ta toàn là hạng căn tánh nhân thiên, vì sao? Sơ Quả Tu Đà Hoàn của Tiểu Thừa phải đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, chúng ta chẳng làm được, đúng không? Chẳng giả! Vì thế, bản thân chúng ta phải biết chính mình thuộc căn tánh gì, có thể học được phần nào trong sự giáo huấn suốt cả một đời Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng thể vượt quá phạm được!

Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo là bộ kinh đầu tiên [trên con đường tu học], là kinh điển nhập môn, là pháp nhân thiên, chư vị phải biết điều thứ nhất trong Tịnh nghiệp tam phước là pháp nhân thiên, chưa nhập môn. “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu mười thiện nghiệp*”. Hạng người nào vậy? Chẳng phải là Bồ Tát, cũng chẳng phải là La Hán, ngay cả Tu Đà Hoàn cũng chưa đạt tới.

Đây là pháp phải học của chư thiên trong Dục Giới và con người trong nhân gian. Người học tốt đẹp [pháp này] thì mới có thể học Phật. Điều kiện học Phật là học làm người tốt đẹp. Vừa mở kinh bôn ra, [ta thấy] đức Phật thường gọi “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, chúng ta thật sự làm được chữ Thiện ấy. “Thiện” ấy chính là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thật sự làm được Thập Thiện Nghiệp Đạo thì quý vị mới có thể nhập Phật môn. Nhập Phật môn đầu tiên là tiếp nhận Tam Quy, Ngũ Giới, vậy thì nay chúng ta cũng thọ Tam Quy và Ngũ Giới, còn có rất nhiều đồng tu thọ Bồ Tát Giới, có thật hay không? Trong tâm chúng ta phải hiểu rõ: Chẳng thật! Vì sao? Chẳng làm được! Thiên Thai đại sư nói Lục Tức, chúng ta là Danh Tự Tức Phật, hữu danh vô thực, mang tiếng là đã thọ Tam Quy, nhưng chẳng có thực chất Tam Quy, toàn là giả trá! Chớ nên không biết điều này! Đã là giả, vì sao vẫn phải thọ? Tổ sư đại đức dạy: Tuy giả vẫn nên thọ, vì sau khi đã thọ [những giới ấy, trong tâm ta sẽ] thường ghi nhớ “ta đã quy y Tam Bảo, ta đã thọ Ngũ Giới, phải nghiêm túc học tập”, nó thường cảnh tỉnh quý vị. Chẳng thọ, quý vị sẽ chẳng có khái niệm ấy. Sau khi đã thọ, thường được nhắc nhở, do có lợi ích ấy nên thọ giới tốt hơn là không thọ! Nhưng đã thọ thì ngàn muôn phần đừng nghĩ ta đã là đệ tử Tam Bảo, ta đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới! Đây là đại vọng ngữ, có tội lỗi, [là vì] quý vị chưa làm được! Sau khi đã thọ phải nghiêm túc, nỗ lực thực hiện, nhất định phải làm được thì mới là tốt đẹp. Bởi lẽ, Phật pháp trọng thực chất, chẳng trọng hình thức.

Lúc tôi mới học Phật, được quen biết Chương Gia đại sư, còn chưa quy y. Tôi học với Ngài ba năm, hình như tới năm thứ ba mới quy y, hai năm đầu chẳng quy y. Về sau có rất nhiều người bảo: “Anh thường ở cùng một chỗ với lão nhân gia, có thể nào chẳng quy y?” Gần như là không thể nào chấp nhận, tôi bèn đối trước đại sư quy y, thọ Tam Quy. Đại sư vô cùng từ bi, tuy tôi chưa quy y, Ngài vẫn bằng lòng nhiệt thành giáo huấn, mỗi tuần dành cho tôi hai giờ, rất khó có! Tuy chúng tôi chưa quy y nơi hình thức, nhưng xét đến thực chất thì đã là thật sự quy y, vì nghe lời! Thầy dạy ra sao, chúng tôi đều có thể tiếp nhận, đều chịu y giáo phụng hành. Đó là thật sự quy y, tuy trên hình thức chẳng có, nhưng thật sự quy y thì có. Đó cũng gọi là “*hành quyền phương tiện, nhập Phật pháp tạng*”. Nhất định phải nhập, nhất định phải học theo Phật. Đức Phật dạy chúng ta hai câu, phải vĩnh viễn ghi nhớ, phải vĩnh viễn thực hiện: “*Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy*”, chẳng sợ chịu khổ, chẳng có gì quan trọng hơn điều này! Có thể chịu khổ, sẽ chẳng bị dao động trong hết thủy cảnh giới, chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Phàm những kẻ học Phật rốt cuộc bị thất bại, đọa lạc, là do bị hoàn cảnh xoay chuyển. Nói thực ra là chẳng thể chịu khổ, không chống được sự dụ dỗ, mê hoặc của cảnh giới, tiếng tăm, lợi dưỡng bên ngoài nên mới bị thất bại. Bởi thế, hai điều giáo huấn ấy của đức Phật trọng yếu dường nào!

Chúng ta học Thập Thiện Nghiệp từ chỗ nào? Trong những năm gần đây, chúng tôi thường nhắc nhở các đồng học, mà cũng là nhắc nhở chính mình, hãy thực hiện Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên tức là thật sự học Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nếu [có kẻ nào] hỏi cách học Thập Thiện Nghiệp Đạo là như thế nào, quý vị hãy bảo kẻ ấy: “Hãy nghiêm túc học Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên thì sẽ là học Thập Thiện Nghiệp Đạo”. Đã thành tựu hai thứ ấy, quý vị sẽ viên mãn Thập Thiện Nghiệp Đạo. Trong Phật pháp, có một pháp môn đặc biệt là kinh Vô Lượng Thọ, tức pháp môn Tịnh Tông. Chỉ cần chúng ta có cơ sở này bèn có thể vãng sanh, cũng có nghĩa là đã có ba căn cơ Nho, Thích, Đạo, thật sự vun bồi bèn

vững ba căn ấy, chúng ta nương theo lý luận và phương pháp trong kinh Vô Lượng Thọ để cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định thành tựu. Đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới là đạt đến bờ kia rốt ráo. Do vậy, câu nói ở đây chẳng phải là lời giả. Nhập Phật pháp tạng là trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta nhất định phải thực hiện ba căn cội của Nho, Thích, Đạo, quý vị bèn nhập Phật pháp tạng. Nhập nông cạn, chớ sợ! Đã có bốn nguyện và oai thân của A Di Đà Phật gia trì, sự gia trì ấy chính là kinh Vô Lượng Thọ. Mỗi ngày, quý vị đọc kinh Vô Lượng Thọ từ đầu đến cuối một lượt, là được A Di Đà Phật gia trì quý vị một lần. Quý vị niệm mỗi ngày là được gia trì mỗi ngày. Mỗi ngày nghe giảng, hiểu rõ ràng, minh bạch đạo lý trong ấy, quý vị đã được gia trì viên mãn, lẽ nào chẳng vãng sanh!

“Tam cú nghĩa trung, toàn nhiếp Tịnh Độ pháp môn, Bồ Tát nhất thiết sở hạnh, bất ly phương tiện. Dĩ phương tiện cố, thủ u Tịnh Độ, đắc thường kiến Phật” (Nghĩa lý trong ba câu ấy đã gồm thấu trọn vẹn pháp môn Tịnh Độ và hết thảy các hạnh của Bồ Tát, chẳng lìa phương tiện. Do dùng phương tiện mà giữ lấy Tịnh Độ, nên thường được thấy Phật). Phương tiện của Tịnh Tông trước hết là làm một người tốt. Chẳng làm một người tốt, sẽ chẳng có cách nào sanh về thế giới Cực Lạc, chẳng có phần, phải làm một người tốt! Nhưng chúng ta cũng thật sự thấy, chẳng phải là giả, có kẻ suốt đời tạo ác, lúc lâm chung gặp gỡ bạn lành khuyên kẻ ấy “quay đầu là bờ”, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, kẻ ấy nghiễm nhiên cũng thành tựu, đó là do nguyên nhân nào? Điều ấy khiến cho nhiều người hoài nghi. Trong ấy có đại đạo lý, đại đạo lý gì vậy? Kẻ suốt đời tạo ác, lâm chung sám hối, biết lỗi, quay đầu, tội nghiệp bèn tiêu tan. Kinh Phật có tỷ dụ “nhà tối ngàn năm”, căn nhà ấy chẳng có ánh sáng, bao lâu? Một ngàn năm! Quý vị thắp một ngọn đèn soi sáng, tối tăm chẳng còn nữa. Tối tăm ví như tội nghiệp, “ngàn năm” là thời gian tạo tội nghiệp rất dài. Quý vị một niệm quay đầu, tức là quý vị thắp một ngọn đèn, tối tăm chẳng còn nữa. Lời này cho chúng ta biết: Tội lẫn phước đều chẳng phải là thật, chúng đều sanh từ tâm tưởng, là pháp sanh diệt, chẳng phải là thật. Chỉ cần là pháp sanh diệt thì như kinh Kim Cang đã nói rất hay: *“Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*, pháp hữu vi là pháp sanh diệt. Giống như nằm mộng, gặp ác mộng, tạo tội nghiệp là gặp ác mộng, tạo nghiệp chịu khổ. Có người đánh thức quý vị, sau khi tỉnh giấc, mộng hoàn toàn chẳng còn nữa. Khi quý vị ở trong lục đạo, thời gian tạo tác tội nghiệp rất dài, cảm nhận khổ báo trong tam đồ, nay có thiện tri thức đánh thức quý vị, quý vị liền giác ngộ “lục đạo thật là khổ, ta muốn về thế giới Cực Lạc”. Ý niệm vừa chuyên, nghiệp bèn tiêu tan, nó chẳng còn chướng ngại quý vị nữa!

Nghiệp tiêu nhiều hay ít, tùy thuộc tín tâm của quý vị. Tín tâm kiên định, chẳng có mảy may hoài nghi, nghiệp bèn tiêu hết. Có những kẻ như thế nào? Ta tạo nghiệp nhiều quá, thời gian tạo nghiệp quá lâu, như vậy thì có được hay không? Chỉ cần có một niệm như thế, nghiệp của người ấy chỉ có thể tiêu ít ỏi vài phần, còn phần lớn chẳng thể tiêu được, vẫn có thể chướng ngại kẻ ấy. Nếu chúng ta thật sự hiểu đạo lý này, sẽ chẳng còn hoài nghi nữa, biết tội nghiệp như thế nào đi nữa, câu A Di Đà Phật thật sự có thể tiêu trừ [nghiệp ấy], giữ chặt A Di Đà Phật, quyết định chẳng buông lỏng. Trong tâm có A Di Đà Phật, trong miệng có A Di Đà Phật, thân thể tạo tác cũng giống như A Di Đà Phật, còn có thể nào chẳng vãng sanh ư? Ở đây nói *“Bồ Tát nhất thiết sở hạnh, bất ly phương tiện”* (hết thảy các hạnh của Bồ Tát chẳng lìa phương tiện), chẳng khác gì Thích Ca Mâu Ni Phật ứng

hóa trong thế gian này. “*Dĩ phương tiện cố*” (do dùng phương tiện), đó là phương tiện thiện xảo, “*thủ u Tịnh Độ*” (giữ lấy Tịnh Độ), phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này. “*Đắc thường kiến Phật*” (thường được thấy Phật), tâm ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều có thể tương ứng với những điều đã dạy trong kinh Vô Lượng Thọ. Điều này giống như trong các tôn giáo thường nói: “Ta và thần cùng tồn tại”, chúng ta cũng là cùng A Di Đà Phật tồn tại. Trong Phật pháp, ý nghĩa “cùng tồn tại” này được nói rất thân thiết. Trung Phong quốc sư nói: “*Tâm ta tức là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức là tâm ta*”, đây chẳng phải là ta và A Di Đà Phật cùng tồn tại ư?

“*Dĩ kiến Phật cố, văn pháp tu hành, nhập Phật pháp tạng, viên mãn giác tâm, cứu cánh bỉ ngạn*” (do thấy Phật nên nghe pháp tu hành, nhập Phật pháp tạng, viên mãn giác tâm, đạt đến bờ kia rốt ráo). Đây là rốt ráo viên mãn thành Phật trong một đời. Nhập Phật pháp tạng, tánh, tướng, lý, sự, nhân quả, viên mãn giác tâm, không gì chẳng thông đạt, hiểu rõ. “*Cứu cánh bỉ ngạn*” là niệm niệm tương ứng tự tánh. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Trong mỗi niệm, chúng ta đều tương ứng với trí huệ và đức tướng trong tự tánh. Đây là đạt đến “*cứu cánh bỉ ngạn*”. Do vậy, kinh phải đọc thuộc, phải hiểu rõ ý nghĩa, phải vận dụng trong cuộc sống hằng ngày. “*Nhược vô phương tiện, vô lượng hành môn chung bất thành tựu*” (nếu không có phương tiện, vô lượng hành môn trọn chẳng thể thành tựu). Trí huệ chân thật, lia hết thấy tướng, tức là hết thấy các pháp; vì thế, buông xuống là công phu bậc nhất của người tu hành. Buông chấp trước xuống, buông phân biệt xuống, buông khởi tâm động niệm xuống, điều này chẳng dễ gì làm được, nhưng khởi đầu từ [buông xuống] phân biệt và chấp trước thì chúng ta có thể làm được. Tuy chẳng thể viên mãn như Bồ Tát, nhưng chúng ta hãy bắt đầu làm! Thời thời khắc khắc đều có thể cảnh giác, điều này rất trọng yếu. Đặc biệt là trong hoàn cảnh hiện tiền, từ TV, Internet, từ các phương tiện thông tin, chúng ta thấy trên toàn thế giới có nhiều tai nạn chẳng có cách nào tưởng tượng nổi. Đối với người tu hành mà nói, những tai nạn ấy có điểm lợi ích là khiến cho chúng ta cảnh giác thế giới này thật sự khổ sở, chẳng thể trụ trong thế giới này! Mỗi ngày chúng ta thấy trong kinh đức Thế Tôn đã giới thiệu thế giới Cực Lạc, thế giới ấy tốt đẹp lắm! So sánh hai thế giới, nguyện vọng cầu sanh thế giới Cực Lạc sẽ nảy sanh tràn trề, đó là điều tốt đẹp. Nếu trên thế giới này chẳng có tai nạn, chúng ta sẽ không muốn ra đi, tuy niệm A Di Đà Phật vẫn chẳng nở lia bỏ thế giới này. Do vậy, mỗi lần có đại tai nạn, hiện tượng ấy cũng độ rất nhiều người. Có lắm kẻ thiện căn chưa chín muồi, trông thấy tai nạn ấy, thiện căn bèn chín muồi, thật sự muốn vãng sanh, thật sự buông xuống. Do vậy, Ngẫu Ích đại sư có nói hai câu rất tuyệt: “*Cảnh duyên vô hảo xú, hảo xú tại nhân tâm*” (Cảnh duyên chẳng tốt xấu, tốt xấu do lòng người). Quý vị có cách nhìn ra sao, hoàn cảnh chẳng có tốt hay xấu, quan hệ giữa con người với nhau cũng chẳng có tốt hay xấu, [tùy thuộc] quý vị có cách nhìn ra sao! Nếu quý vị dùng tâm thái bình thường để nhìn, sẽ chẳng có gì là bất hảo. Tâm thái bất bình thường, hoàn cảnh gì cũng đều bất hảo, xác thực là cảnh chuyển theo tâm. Hy vọng các đồng học học Phật chúng ta đều có thể dùng tâm để chuyển cảnh giới, đó là điều tốt đẹp!

Tiếp đó, lão cư sĩ trích dẫn kinh Đại Bát Nhã để nói: “*Như Đại Bát Nhã kinh vân: Thị Bồ Tát do dữ Bát Nhã Ba La Mật Đa tương ứng cố, tùng thử xứ một, sanh dư Phật độ.*”

Tùng nhất Phật quốc, chí nhất Phật quốc, tại tại sanh xứ, thường đắc trị ngộ chư Phật Thế Tôn, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, nãi chí Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, chung bất ly Phật” (Như kinh Đại Bát Nhã nói: “Vị Bồ Tát này do tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật Đa nên từ chỗ này chết đi, sanh trong các cõi Phật khác, từ một cõi Phật này đến một cõi Phật khác, sanh ở nơi đâu cũng đều thường được gặp gỡ chư Phật Thế Tôn, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, cho đến [khi chứng đắc] Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Tát, trọn chẳng lìa Phật”). Đây là dạy dỗ chúng ta, chúng ta đã vun bồi vững vàng ba căn bản, tu Tịnh Độ như thế nào? Tu Tịnh Độ cũng phải là “tâm chẳng lìa Phật, hạnh chẳng lìa Phật”, sẽ thành tựu rất nhanh chóng. Ở đây đã nêu một thí dụ, “*Bồ Tát do dữ Bát Nhã Ba La Mật Đa tương ứng cố*” (Bồ Tát do tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật Đa). Bát Nhã Ba La Mật Đa: Bát Nhã là trí huệ, Ba La Mật Đa là bờ kia, cũng là bờ kia Niết Bàn. Câu này có nghĩa là Bồ Tát có năng lực ấy, trong cuộc sống hằng ngày, Ngài sử dụng trí huệ, chẳng dùng tri thức, Bát Nhã là trí huệ. Tri thức và trí huệ khác nhau! Cơ sở của trí huệ là tâm thanh tịnh, cơ sở của tri thức là tâm ý thức. Trong tâm ý thức có ý niệm, trong tâm thanh tịnh chẳng có ý niệm, nên chúng khác nhau. Tối thiểu là phải buông Kiến Tu phiền não xuống, vẫn chưa thể gọi là Bát Nhã. Buông Kiến Tu phiền não xuống, tâm thanh tịnh, chứng quả A La Hán.

Theo cách nhìn của giáo pháp Đại Thừa thì trong tam đức bí tạng (Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát), A La Hán chỉ có một đức là Giải Thoát, mà giải thoát vẫn chưa viên mãn, được gọi là giải thoát nửa vời, chưa chứng đắc Pháp Thân, chẳng chứng đắc Bát Nhã. Cũng có thể nói là A La Hán chẳng có trí huệ Bát Nhã. Phải nâng cao lên một đẳng cấp, đạt đến Bồ Tát, Bồ Tát có trí huệ Bát Nhã. Pháp Thân Bồ Tát đã chứng đắc Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, nên mới gọi là “*tương ứng*”. Từ tựa đề kinh này, thanh tịnh là điều chứng đắc bởi A La Hán, bình đẳng là chứng đắc của Bồ Tát, giác được chứng đắc bởi Phật, đó là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Bình đẳng không dễ dàng, sau khi đã thanh tịnh rồi thì mới có bình đẳng. Đại chúng trong xã hội hiện thời tâm chẳng thanh tịnh, chẳng thanh tịnh thì làm sao có thể bình đẳng cho được? Vì sao? Sau Đệ Nhị Thế Chiến, mọi người trên thế giới này đều mong mỗi hòa bình xuất hiện, nhưng mãi cho đến hiện thời, hòa bình chẳng xuất hiện! Xã hội mỗi năm một động loạn hơn, tai nạn mỗi năm một nhiều hơn. Do nguyên nhân nào? Tâm con người chẳng thanh tịnh. Nói cách khác, trong xã hội hiện tiền, điều quan trọng nhất là làm sao giúp cho người ta đạt được tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là điều mọi người đều luôn mơ ước, mong cầu. Mong cầu tâm thanh tịnh, vì sao chẳng đạt được? Dục vọng quá nhiều, chẳng thể buông dục vọng xuống được. Do vậy, cổ nhân Trung Quốc nói: “*Tri túc thường lạc*” (biết đủ, thường vui sướng). Nếu con người tri túc, tâm thanh tịnh bèn có thể khôi phục. Người nếu chẳng tri túc, tâm kẻ ấy sẽ vĩnh viễn chẳng thanh tịnh. Giống như nước nổi sóng, chẳng bình lặng. Tri túc, sẽ dần dần lắng xuống, sóng to trở thành sóng nhỏ, sóng nhỏ trở thành gợn sóng, có thể khôi phục thanh tịnh. Vì thế, phải tri túc thì mới được.

Quý vị thầy có phải là Di Lặc Bồ Tát sẽ đến thành Phật trong nhân gian hay không? Hiện thời Ngài ở nơi đâu? Tại Đâu Suất Thiên. Đâu Suất nghĩa là gì? Tri túc. Di Lặc Bồ Tát muốn hạ sanh thành Phật, trước tiên phải tu Tri Túc trong tầng trời Đâu Suất. Tu viên mãn công phu Tri Túc rồi mới có thể làm Phật, phổ độ chúng sanh. Chẳng tri túc thì làm sao được nữa? Vì sao Ngài phải trụ trong Đâu Suất Thiên, chẳng trụ trong Tha Hóa Tự Tại

Thiên? Vì sao không trụ trong Đạo Lợi Thiên? Mang ý nghĩa biểu pháp, Bồ Xứ Phật, Bồ Xứ Bồ Tát nhất định phải là từ Tri Túc Thiên giáng hạ [nhân gian] làm Phật, toàn là ý vị giáo học. Do vậy, có thể biết: Phật là pháp vương, quốc vương và đế vương trong thế gian cũng phải biết Tri Túc thì ngồi trên ngai hoàng đế mới thật sự có thể ích nước, lợi dân. Ông ta tri túc. Nếu chẳng tri túc, sẽ biến thành một gã vua bạo ngược, dân chúng phải chịu khổ. Hoàng thượng tri túc, dân chúng hưởng phước, cùng một đạo lý! Lại thấp hơn một bậc nữa sẽ là xí nghiệp, nói theo tình trạng hiện thời. Chủ nhân xí nghiệp tri túc, xí nghiệp ấy sẽ là xí nghiệp khuôn mẫu. Chủ nhân tri túc, kiếm được tiền sẽ nhất định cứu giúp dân nghèo, thực hiện sự nghiệp phước lợi xã hội, việc kinh doanh càng làm càng to lớn, càng làm càng dồi dào, càng thí càng nhiều! Càng nhiều bèn càng làm nhiều hơn! Quý vị nói xem sự biểu pháp của vị Bồ Tát này có dụng ý sâu xa dường nào? Tri túc bèn thật sự có thể tu phước, có thể tích đức. Kẻ chẳng tri túc sẽ thiếu phước, kẻ không tri túc sẽ bại đức, chẳng biết tu đức.

Mấy câu kinh ấy đã hiển thị thần thông và diệu dụng của Bồ Tát. “*Tùng thử xứ một, sanh dư Phật độ*” (từ chỗ này chết, sanh trong các cõi Phật khác), như Di Lạc Bồ Tát cơ duyên chín muồi, thời tiết, nhân duyên đã chín muồi, bèn từ trời Đâu Suất giáng hạ, giáng sanh trên địa cầu, nói thông tục là “đầu thai”. Chẳng còn ở trong thiên cung Đâu Suất nữa, xuất sanh trong thế giới này, Ngài có năng lực ấy. Thế giới này rất lớn! Phải độ chúng sanh trên địa cầu, có phải độ những tinh cầu khác hay không? Đương nhiên là phải độ, khu vực giáo hóa của Ngài có phạm vi là một tam thiên đại thiên thế giới. Trên mỗi tinh cầu đều có chúng sanh, vì sao? Tinh cầu là y báo, y báo chuyển theo chánh báo. Chẳng có chánh báo sẽ chẳng có y báo! Y báo và chánh báo đồng thời phát sanh; do vậy, trên mỗi tinh cầu đều có chúng sanh sống trong đó. Có các chúng sanh chẳng có cùng chiều không gian với chúng ta, nên chúng ta chẳng thấy họ, mà họ cũng chẳng thấy chúng ta. Chiều không gian cao hơn, có những chiều không gian cao hơn chúng ta, chúng ta sẽ chẳng thấy họ, nhưng họ trông thấy chúng ta. Do vậy, chẳng thể nói chúng ta dùng phi thuyền bay đến thám hiểm tinh cầu khác, phát hiện [ở đó] chẳng có ai, một vùng hoang vắng, thê lương, đó là gì? Nhục nhãn của chúng ta chẳng nhìn thấy, chứ thật ra là có. Trên quả địa cầu này, người và quỷ sống lẫn lộn, nhưng có rất nhiều người chẳng hề thấy quỷ. Ta chẳng tin tưởng, nhưng cũng có chẳng ít người đã thấy quỷ, họ bèn thật sự tin tưởng, duyên phận của mỗi người khác nhau!

Tôi đã gặp một số nghệ sĩ, diễn viên kể với tôi: Họ thật sự thấy [quỷ]. Trong lúc quay phim, buổi tối quay ngoại cảnh, quay tại nghĩa trang, sắp đặt các đạo cụ để đóng phim tại đó, quỷ cũng đến tham gia, thật sự gặp gỡ. Sau khi quay phim xong, mọi người cũng cảm thấy rất đói, thấy gần đó có quán nhỏ bán đồ ăn vặt, mọi người đến cái quán nhỏ ấy để ăn uống. Ăn xong, lái xe ra về, đến ngày hôm sau bị tiêu chảy, [đều nghĩ] do ăn những thứ đã bị hư nên nôn mửa, mửa ra gì? Toàn là những thứ trời ơi đất hỡi! Chuyện gì đây? Lại gọi điện thoại cho mấy người bạn thì họ nói: “Anh sao, tôi cũng vậy, người khác cũng vậy”. Được rồi, chúng ta lái xe đi tìm cái quán nhỏ ấy. Lái xe tới đó, một bãi tha ma, thứ gì cũng chẳng có! Gặp phải quỷ rồi! Quỷ mở tiệm mà ta đến đó ăn uống! Chẳng phải là một người nói, mà bảy tám người đều nói như thế! Người và quỷ sống lẫn lộn mà! Quý vị có thể nói trên mặt trăng chẳng có ai hay không? Quý vị có thể nói Hỏa Tinh chẳng có ai hay chẳng? Có chứ! Nói theo Phật pháp, chỉ cần có cõi nước sẽ có người cư trụ. Y báo và

chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, cảnh chuyển theo tâm, lời ấy là thật, chẳng phải giả!

Vì thế, Bồ Tát có thể từ chỗ này chết, sanh sang cõi Phật khác, từ cõi Phật này sanh sang cõi Phật khác, sanh ở chỗ nào đều thường gặp gỡ chư Phật Thế Tôn. Đó là nói những vị Bồ Tát trong pháp hội này, các Ngài chỉ cần thấy vị Bồ Tát nào đó thành Phật một nơi nào đó đều hoan hỷ: “Chúng ta đến tùy hỷ”, bèn mất ở nơi đây, xuất hiện nơi kia. Đó là một cách nói. Trên thực tế, các Ngài có năng lực quá lớn, chẳng rời khỏi nơi đây mà có thể hiện thân nơi kia, phân thân đầy mà! Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có bản lãnh này. A Di Đà Phật giảng kinh, giáo học, họ nghe nơi đó, bất động. Họ nghe ở nơi đó. Trong thế giới phương khác, Phật đang hoằng pháp bên đó, họ cũng đến, phân thân đến đó, có thể phân vô lượng vô biên thân, đồng thời tham gia pháp hội của hết thầy chư Phật Như Lai, họ có bản lãnh ấy. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ thành tựu, vì sao nhanh chóng dường ấy? Thời gian thân cận chư Phật Như Lai nhiều, có phước báo; nghe Phật thuyết pháp nhiều, tăng trưởng trí huệ, thật sự là phước huệ song tu, lợi hại hơn chúng ta nhiều! Chúng ta một vị Phật cũng chẳng gặp, nghe kinh tại đạo tràng này sẽ chẳng thể nghe kinh tại giảng đường sát vách. Họ có thể đồng thời phân thân, đồng thời đều học được, người ta có năng lực ấy, toàn là tiếp xúc chư Phật Như Lai, vượt trời Đẳng Giác, Thập Địa, mỗi ngày thân cận đại thiện tri thức như vậy, lẽ đâu chẳng thành tựu!

Họ gặp gỡ chư Phật Thế Tôn, quý vị thấy đó, “*cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán*”, đó là tu phước; nghe pháp, tiếp nhận sự giáo huấn là tu huệ. Cho đến Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề là mục tiêu tu học cao nhất, một phương hướng, một mục tiêu, dững mãnh tinh tấn, “*chung bất ly Phật*” (trọn chẳng lìa Phật). Hiện thời chúng ta có thể làm được hay không? Có thể làm được. Chúng ta nghiệp chướng nặng nề, lắm phiền não, tuy chẳng thấy Báo Thân của Phật, nhưng trông thấy tượng Phật, thấy kinh Phật. Chỉ cần chẳng lìa khỏi tượng Phật, chẳng lìa khỏi kinh Phật, mỗi ngày lễ bái, thân lạy Phật, miệng niệm Phật, trong tâm nghĩ tưởng Phật, Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy: “*Úc Phật, niệm Phật*”, Úc (憶) là trong tâm nghĩ tưởng Phật. “*Hiện tiền, đương lai tất định kiến Phật*” (hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật). Phật có ở cạnh ta hay không? Có, nhưng chúng ta nghiệp chướng nặng nề, chẳng nhìn thấy. Trong tâm chúng ta có cảm, Phật bèn có ứng, Phật ở ngay bên cạnh chúng ta, trước nay chưa hề rời lìa, đó là lòng đại từ đại bi của Phật. Chư Phật Như Lai đã phát nguyện: “*Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai*”, làm sao có thể bỏ sót chúng ta cho được? Chẳng thể nào! Thường nghĩ tới ân đức của Phật đối với chúng ta, chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực học tập. Trong kinh điển, đức Phật đã giáo huấn quý báu tốt đẹp như thế, hãy nghiêm túc học tập thì mới là đúng.

“*Đương tri dục bất ly Phật, tu dĩ niệm Phật vi nhân, như Hoa Nghiêm Thập Địa, thi chung bất ly niệm Phật*” (Hãy nên biết, muốn chẳng lìa Phật, hãy nên lấy niệm Phật làm nhân, như trong kinh Hoa Nghiêm, hàng Thập Địa từ đầu đến cuối chẳng rời niệm Phật), chúng ta phải ghi nhớ câu này. Thập Địa trong Hoa Nghiêm là Pháp Thân đại sĩ từ Sơ Địa cho đến Thập Địa, trong bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, đặc biệt nêu lên Thập Địa, [nhưng ngụ ý] bao gồm [các địa vị] thấp hơn như Thập Hồi Hướng, Thập Hạnh, Thập Trụ, chẳng có địa vị nào không niệm Phật. Điều cuối cùng trong Tịnh nghiệp tam phước chính là nhập Phật pháp tạng, điều thứ hai chưa nhập, điều thứ ba là đã nhập, “*phát Bồ Đề tâm,*

tin sâu nhân quả”. Nhân quả ấy không phải là nhân quả bình phàm! Nếu là nhân quả bình phàm thì vì sao Đại Thừa Bồ Tát mới học? Chúng ta đều biết nhân quả phổ thông là “chớ nên sát sanh”, sát sanh là nhân, quả báo là trong tương lai bị kẻ khác giết. Chớ nên trộm cắp, trộm cắp thì trong tương lai quý vị phải trả nợ. Đã trả nợ lại còn phải kèm thêm lợi tức, chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Sát sanh phải đền mạng, trộm cắp phải đền tiền. Nhân quả thông khắp ba đời, chẳng phải là một đời! Do vậy, người hiểu nhân quả ba đời, tâm bèn định, tự nhiên tri túc. Bị thua thiệt, bị lừa gạt chẳng sợ, thật đấy, cổ nhân nói chẳng sai: “*Bị thua thiệt là có phước*”, là chuyện tốt, không phải là chuyện xấu. Ta bị thua thiệt, kẻ khác chiếm tiện nghi, đời sau, kẻ ấy phải trả lại cho ta, phải đáp đền. Nay ta hoan hỷ chịu thua thiệt, trong tương lai, kẻ ấy hoan hỷ cúng dường, hoan hỷ trả nợ, như vậy thì có gì là chẳng tốt đẹp? Do vậy, tâm niệm chiếm tiện nghi của kẻ khác bị đoạn mất; chẳng làm chuyện tổn thương, gây hại cho người khác nữa. Vì sao? Đã giác ngộ, đã hiểu rõ, đã biết chân tướng sự thật. Chúng ta biết những thứ nhân quả ấy, [chẳng lẽ] Bồ Tát không biết? Đương nhiên là biết. Vậy thì Bồ Tát chẳng biết loại nhân quả nào? Thật vậy, “*niệm Phật là nhân, thành Phật là quả*”, khá nhiều Bồ Tát chẳng biết, chỉ có Phổ Hiền Bồ Tát biết. Do đó, các vị Bồ Tát往昔 sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều biết, niệm A Di Đà Phật là nhân, đến thế giới Cực Lạc thành Phật là quả. Trong các phần trước, đối với câu danh hiệu A Di Đà Phật, chúng tôi đã báo cáo nhiều lượt, [câu danh hiệu ấy] vốn là đức hiệu của tự tánh. Ý nghĩa của câu danh hiệu toàn là tiếng Phạn ấy dịch sang tiếng Hán thì A dịch là Vô, Di Đà dịch là Lượng, Phật dịch là Giác, [A Di Đà Phật] là Vô Lượng Giác. Vô Lượng Giác là tự tánh, tức là tự tánh của chúng ta. Niệm A Di Đà Phật là niệm tự tánh của chúng ta. Tây Phương Cực Lạc thế giới Pháp Tạng Bồ Tát đã thành Phật, Ngài bèn dùng Vô Lượng Giác làm danh hiệu. Vì vậy, niệm danh hiệu này là vừa niệm ngài Pháp Tạng đã thành Phật, vừa niệm đại giác viên mãn trong tự tánh, tự tha bất nhị, danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, điều cuối cùng trong Tịnh nghiệp tam phước, “*tin sâu nhân quả*” nhằm nói về chuyện này. Tin sâu “*niệm Phật là nhân, thành Phật là quả*”. Niệm Phật thành Phật, quyết định chân thật chẳng dối, hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng.

Tiếp đó, “*đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả*”, ba câu trước đó là tự lợi, câu cuối cùng là lợi tha. Chính mình đã thành tựu rồi, nhất định phải giúp người khác, toàn tâm toàn lực giúp đỡ người khác. Làm khi nào? Khi đã có đôi chút thành tựu. Do vậy, Quyền Giáo Bồ Tát, phạm vi này rất rộng, từ sơ phát tâm cho đến địa vị Thập Tín đều là Quyền Giáo Bồ Tát, là tiểu Bồ Tát, chưa kiến tánh. Đã kiến tánh, mình tâm kiến tánh thì là Bồ Tát. Chưa kiến tánh thì đều gọi là Quyền Giáo Bồ Tát. Có làm hay không? Làm! Ta biết bao nhiêu, ta giảng bấy nhiêu, chia sẻ với đại chúng, khuyên người khác là khuyên chính mình. Suốt đời Thích Ca Mâu Ni Phật đã biểu diễn, nêu gương cho chúng ta trong bốn mươi chín năm, chúng ta đã thấy, hiểu rõ, học theo gương ấy là đúng. Cuộc sống giáo học của lão nhân gia trong bốn mươi chín năm là hoạt động chánh đáng bình thường trong Phật giáo. Trong bốn mươi chín năm, chẳng làm kinh sám, Phật sự, chẳng tổ chức pháp hội, cũng chẳng hề cử hành Phật Thất một ngày nào, cũng chẳng hề tụ tập đại chúng cùng nhau niệm Phật suốt một cây hương! Chẳng hề có! Suốt đời làm gì? Cả đời là giáo học, suốt ngày từ sáng đến tối đều chẳng gián đoạn, nhất cử, nhất động, một câu nói, một nụ cười đều nhằm biểu thị pháp, đều là giáo học. Bất luận là đối với nhiều người, hay độ một hai người, chẳng có ai không dạy, nhiệt tình, thành ý chân tâm như vậy cảm động hết thảy chúng sanh. Nhục nhãn của chúng ta chẳng nhìn thấy, trong kinh này có chép, chư thiên

các cõi trời Dục Giới và Sắc Giới, tám bộ quỷ thần, ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh. Có sao [chúng sanh trong] địa ngục cũng đến? Những vị từ địa ngục tham gia pháp hội đều là Bồ Tát, hiện thân [làm tội nhân] địa ngục trong các địa ngục để giáo hóa chúng sanh, nghe Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, giáo học, họ cũng đến. Chẳng phải là kẻ thật sự tạo tội nghiệp đọa địa ngục, hạng người ấy chẳng ra khỏi ngục được, vì họ chẳng có phước báo to lớn ấy. Trong địa ngục có rất nhiều Bồ Tát, các Ngài đến đi tự do. Các Ngài đến địa ngục để độ chúng sanh trong địa ngục, nên hiện tướng địa ngục. Chẳng có một ai rời Phật. Do vậy, ở đây dạy chúng ta: “*Thập Địa Bồ Tát thí chung bất ly niệm Phật*” (Thập Địa Bồ Tát từ đầu tới cuối chẳng lìa niệm Phật), chúng ta có nên không niệm Phật hay chẳng? Bởi lẽ đó, Phổ Hiền Bồ Tát thoải mái đường ấy, khuyên dạy các vị Bồ Tát [trong Hoa Nghiêm hải hội] hãy cùng nhau đến thế giới Cực Lạc, vây đoàn đến thế giới Cực Lạc bái kiến A Di Đà Phật. Thế giới Cực Lạc cũng thật sự rất náo nhiệt, chư Phật, Bồ Tát trong mười phương thế giới đến triều kiến liên miên chẳng dứt.

Đoạn văn ấy do cư sĩ Bành Tế Thanh nói, “*án Bành thị chi thuyết, Bồ Tát độ sanh tu hữu phương tiện, tối thắng phương tiện thị giáo nhân niệm Phật*” (xét theo lời ông Bành đã nói, Bồ Tát độ sanh cần phải có phương tiện, phương tiện thù thắng nhất là dạy người ta niệm Phật). Câu này hết sức quan trọng, chúng ta phải ghi nhớ, suốt đời chẳng rời bỏ. Bất luận chỗ nào, thấy người khác đều là “A Di Đà Phật”, đó là gì? Dạy kẻ ấy niệm Phật, chẳng cần biết kẻ ấy có tin hay không. Kẻ đó chẳng tin thì cũng đã nghe lọt vào tai rồi, hề lọt qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Chúng tử Phật đã gieo trong ruộng thức thứ tám, gặp mọi người đều là như vậy. Đồng học học Phật nhận điện thoại, cầm lấy điện thoại bèn “A Di Đà Phật”, tốt lắm! Dưỡng thành [thói quen] niệm niệm chẳng rời Phật, niệm niệm chẳng rời A Di Đà Phật. “*Niệm Phật sanh Phật quốc, kiến Phật văn pháp, chung bất ly Phật, cố năng nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn*” (niệm Phật, sanh về cõi Phật, thấy Phật, nghe pháp, trọn chẳng lìa Phật, nên có thể nhập Phật pháp tạng, đạt đến bờ kia rốt ráo), thật vậy, chẳng giả! Chỉ có chính mình niệm Phật, khuyên người khác niệm Phật, hiện thời chưa thể nhập Phật pháp tạng, nhưng thật ra đã gieo cái nhân nhập Phật pháp tạng. Sanh về thế giới Cực Lạc sẽ là nhập Phật pháp tạng. Đoạn văn này của ông Bành Tế Thanh “*thâm đắc kinh chỉ*” (thấu đạt sâu xa tông chỉ của kinh), đây là lời Hoàng lão cư sĩ tán thán ông Bành. Chúng ta còn có thời gian, hãy xem đoạn kinh văn kế tiếp, đoạn này khá dài!

(Kinh) Nguyên u vô lượng thế giới thành đấng Chánh Giác. Xả Đâu Suất, giáng vương cung, khí vị xuất gia, khổ hạnh học đạo. Tác tư thị hiện, thuận thế gian cố. Dĩ Định Huệ lực, hàng phục ma oán. Đắc vi diệu pháp, thành tối Chánh Giác. Thiên nhân quy ngưỡng, thỉnh chuyển pháp luân. Thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian, phá phiền não thành, hoại chư dục tiem. Tẩy trạc cấu ô, hiển minh thanh bạch. Điều chúng sanh, tuyên diệu lý, trừ công đức, thị phước điền. Dĩ chư pháp dược, cứu liệu tam khổ. Thăng quán danh giai, thọ Bồ Đề ký. Vị giáo Bồ Tát, tác A Xà Lê, thường tập tương ứng vô biên chư hạnh, thành thực Bồ Tát vô biên thiện căn, vô lượng chư Phật hàm cộng hộ niệm.

(經)願於無量世界成等正覺。捨兜率，降王宮，棄位出家，苦行學道，作斯示現，順世間故。以定慧力，降伏魔怨。得微妙法，成最正覺。天人歸仰，請轉法輪。常以法音，覺諸世間。破煩惱城，壞諸欲塹。洗濯垢污，顯明清白。調眾生，宣妙理，貯功德，示福田。以諸法藥，救療三苦。昇灌頂階，授菩提記。為教菩薩，作阿闍黎，常習相應無邊諸行。成熟菩薩無邊善根，無量諸佛咸共護念。

(Chánh kinh: Nguyên trong vô lượng thế giới thành Đẳng Chánh Giác. Bỏ Đâu Suất, giáng hạ vương cung, vứt bỏ ngôi vị, xuất gia, khổ hạnh học đạo. Thị hiện như thế để thuận theo thế gian. Dùng sức Định Huệ hàng phục ma oán, đắc vi diệu pháp thành Chánh Giác cao tột. Thiên nhân quy ngưỡng, thỉnh chuyển pháp luân. Thường dùng pháp âm giác ngộ các thế gian, phá thành phiền não, hoại các hào dục, rửa sạch cấu ô, hiển minh thanh bạch. Điều ngự chúng sanh, tuyên diệu lý, trừ công đức, chỉ bày phước điền. Dùng các pháp dược cứu chữa ba khổ. Lên địa vị quán đảnh, thọ ký cho Bồ Tát. Để dạy Bồ Tát bèn làm A Xà Lê, thường tu tập vô biên các hạnh tương ứng, thành thực Bồ Tát vô biên thiện căn, vô lượng chư Phật đều cùng hộ niệm).

Chúng ta đọc lời chú giải của Hoàng lão cư sĩ: “*Thượng đoạn mặt nhị cú, ‘nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn’, tái tán đại sĩ chi Thật Đức. Kim văn cập hạ văn lưỡng đoạn, tắc tái tán Bồ Tát phổ u thập phương thị hiện bát tướng thành đạo chi thù thắng Quyền Đức*” (Hai câu cuối trong đoạn trên, tức “nhập Phật pháp tạng, đạt đến bờ kia rất rạo” lại khen ngợi Thật Đức của đại sĩ. Hai đoạn văn gồm đoạn văn này và đoạn kế tiếp lại khen ngợi Quyền Đức thù thắng của Bồ Tát thị hiện tám tướng thành đạo trọn khắp mười phương). “*Nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn*”, Bồ Tát thành tựu viên mãn trí huệ và đức tướng, đó là những thứ vốn trọn đủ trong Tánh Đức, sau khi chúng đắc nhất định khởi tác dụng. Khi ấy, khởi tác dụng, chắc chắn chẳng có khởi tâm động niệm, chúng ta phải biết điều này. Giống như Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã nói minh tâm kiến tánh thì kiến tánh là như thế nào? Ngài nói năm câu, văn tự không nhiều lắm, trên thực tế chỉ có hai mươi chữ, nhưng đã giảng rõ ràng, minh bạch chuyện này, thật sự khó có! Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật ở dưới cội Bồ Đề, thị hiện đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, Ngài cũng đã nói ra. Ngài dùng mười bốn ngày, cũng là dùng thời gian hai tuần, diễn nói kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm là do đức Thế Tôn thành Phật giảng trong Định, chẳng lưu truyền trong nhân gian, chẳng ai biết. Sau khi đã giảng trong Định xong, Đại Long Bồ Tát thâm cát bộ kinh ấy do đức Phật đã nói trong cung rồng. Số lượng quá lớn, chẳng thể chuyển đến giữ trong địa cầu. Phân lượng nhiều cỡ nào? Sáu trăm năm sau, Long Thọ Bồ Tát rất khó có, có duyên rất sâu với Đại Long Bồ Tát, Đại Long Bồ Tát dẫn Long Thọ tới thăm viếng cung rồng. Ngài Long Thọ thấy [kinh Hoa Nghiêm] là tam thiên đại thiên thế giới vi trần kệ, một tứ thiên hạ vi trần phẩm, địa cầu của

chúng ta làm sao có thể chứa đựng được? Đó là báo cáo của Thích Ca Mâu Ni Phật trong mười bốn ngày.

Nhưng chư vị phải biết Lục Tổ Huệ Năng đại sư minh tâm kiến tánh, có cùng một cảnh giới với Thích Ca Mâu Ni Phật. Đức Thế Tôn ở Ấn Độ, nên dùng thân Phật để đắc độ, Ngài bèn hiện thân Phật. Huệ Năng đại sư ở Trung Quốc, ở đất Trung Quốc thì chẳng hiện thân Phật, [người Hoa] chẳng có căn tánh tốt đẹp như vậy, nên dùng thân tỳ-kheo để đắc độ, lão nhân gia hiện thân tỳ-kheo trong một đời. Thật ra, cùng một cảnh giới, chẳng khác gì nhau, nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy. Ngài nói hai mươi chữ, triển khai thì là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh; Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh nếu rút gọn sẽ là hai mươi chữ ấy, bất tăng, bất giảm. Nếu người khác hỏi, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm giảng những gì? Quý vị dùng năm câu nói đó của Lục Tổ để nói bèn nói trọn hết. Câu đầu tiên Ngài nói: *“Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh”*. Câu thứ hai nói: *“Vốn chẳng sanh diệt”*, tức là Niết Bàn chẳng sanh, chẳng diệt. Câu thứ ba là *“vốn tự trọn đủ”*, tức là như trong Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói: *“Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*, tự tánh vốn tự trọn đủ, tự tánh có vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, hết thấy đều là vô lượng, tự tánh vốn trọn đủ mà! Câu thứ tư nói: *“Vốn chẳng dao động”*, điều này thường được kinh Đại Thừa nói là *“tự tánh vốn định”*. Câu cuối cùng: *“Có thể sanh ra vạn pháp”*, vô lượng vô biên các cõi Phật, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do tự tánh sanh, có thể sanh, có thể hiện, hết thấy vạn pháp là cái được sanh, được hiện. Nói rõ tất cả hết thấy vạn pháp trong khắp pháp giới hư không giới đều có cùng một tự tánh, có cùng một tự tánh tức là cùng một Thể. Lão Tử đã nói: *“Thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn pháp dữ ngã nhất thể”* (trời đất và ta cùng một căn, vạn pháp và ta cùng một Thể) mang ý nghĩa này. Người Trung Quốc nói luân lý thì luân lý ấy chính là luân lý trong kinh Phật.

Luân lý là nói về quan hệ, ta và người khác có quan hệ gì? Phật pháp nói tới quan hệ rộng lớn, tinh vi, sâu xa, nói rất viên mãn. Không chỉ là quan hệ giữa con người với nhau được nói rõ ràng, mà quan hệ với tất cả động vật, quan hệ với thực vật, quan hệ với hoa cỏ, cây cối, quan hệ với núi, sông, đại địa, quan hệ với toàn thể hư không pháp giới, nói rõ ràng như thế, một Thể mà! Sự nhận biết này quan trọng hơn bất cứ gì khác! Từ bi là đức bậc nhất trong tự tánh, tinh hoa, cốt tủy của Tánh Đức là từ bi. Chúng ta không biết những quan hệ ấy, không biết chúng có quan hệ gì với chính mình, cho nên tâm từ bi chẳng thể sanh khởi. Hiểu rõ quan hệ, tâm từ bi sẽ sanh khởi. Từ bi là lòng yêu thương chân thành, là lòng yêu thương vĩnh viễn chẳng thay đổi, chẳng giả! Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai! Vì sao? Một Thể mà! Người kiến tánh đều biết, kẻ chưa kiến tánh chẳng hiểu, hễ kiến tánh đều biết. Do vậy, sau khi thành Phật, chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát bèn có ứng. Trong Ứng thì thù thắng nhất là đại quyền thị hiện, tám tướng thành đạo. Quý vị thấy đó, những điều được nói trong đoạn kinh văn này, từ *“xả Đâu Suất”* đến *“thành tối Chánh Giác, thiên nhân quy ngưỡng”*, mãi cho đến lúc thị hiện diệt độ, chính là tám tướng thành đạo, đây là sự nghiệp trong một đời của Phật, Bồ Tát khi giảng sanh trong thế gian, thị hiện cho chúng ta thấy nhằm dạy chúng ta học tập, thân hành, ngôn giáo mà!

Tiếp đó, cụ Hoàng giải thích đoạn kinh văn này: *“Nguyện u vô lượng thế giới thành Đẳng Chánh Giác”* (nguyện thành Đẳng Chánh Giác trong vô lượng thế giới). Vì sao

nguyện trong vô lượng thế giới? Phật, Bồ Tát trong lúc tu nhân đã phát nguyện ấy, Tứ Hoàng Thế Nguyên, “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”. Các đồng học học Phật chúng ta, bất luận là tại gia hay xuất gia đều đã phát, nhưng phiền não, nghiệp chướng quá nặng, thường quên bằng nguyện này, gặp chúng sanh khổ nạn nhưng đã quên sạch sành sanh nguyện này, chẳng dấy lên ý niệm giúp đỡ họ. Người nhà, quyến thuộc gặp phải khó khăn thì có thể nghĩ tới [nguyện ấy], chứ các chúng sanh có khổ nạn ta chẳng nghĩ đến. Nguyên thật sự phát khởi, đến khi quý vị đại triệt đại ngộ, trở thành Pháp Thân Bồ Tát, chứng đắc Phật quả, sẽ thực hiện nguyện này, thực hiện viên mãn. Chúng sanh không nhất định phải cầu cạnh quý vị, chỉ cần họ gặp khổ nạn, tin tức khổ nạn truyền tới, quý vị nhận được bèn có ứng. Từ sách Hoàn Nguyên Quán, chúng ta thấy ba thứ trọn khắp, bèn hiểu tin tức ấy truyền đi nhanh chóng đến mức nào! Hiền Thủ quốc sư nêu một thí dụ là một vi trần, trong Phật pháp gọi một vi trần là “cực vi vi”, đại khái tương đương với Lượng Tử được phát hiện bởi Lượng Tử Lực Học hiện thời, Lượng Tử còn nhỏ hơn hạt cơ bản. Các nhà khoa học coi hạt nhỏ nhất ấy là cơ sở vật chất, hiện thời họ còn tiến hơn một bước, nghiên cứu [nhận biết] Lượng Tử là tiểu quang tử, nó là một thứ tạo thành vật chất, còn nhỏ hơn hạt cơ bản. Nó có ba thứ đặc tính, kinh Phật đã nói rõ, nhưng các nhà khoa học vẫn chưa thể nói rõ ràng như thế, chưa nói được. Tiểu quang tử dao động, lập tức trọn khắp pháp giới, chẳng có tốc độ nào nhanh hơn nó. Tốc độ ánh sáng hay tốc độ sóng điện từ đều thua kém rất xa. Khi nó động sẽ trọn khắp pháp giới, cho nên tin tức lan truyền hết sức nhanh chóng. Bất luận người ấy hữu tâm, vô tâm, hữu ý, vô ý, những tin tức như vậy bậc Bát Địa Bồ Tát trở lên đều nhận được. Quý vị thấy Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, năm địa vị Phật, Bồ Tát ấy đều nhận được. Sau khi đã nhận được, lẽ nào các Ngài chẳng ứng? Hễ nhận được, nhất định sẽ hồi ứng. Tốc độ hồi ứng gần như đồng thời với tốc độ cảm. Vì sao? Ứng cũng là lập tức trọn khắp pháp giới. Vì thế, cái hay của kiến tánh là ở chỗ này. Tin tức trọn khắp pháp giới hư không giới, chẳng sót một điều gì, hiểu rõ ràng, rành rẽ, người ấy (người đã kiến tánh) khởi tác dụng hồi ứng. Hồi ứng cũng chẳng cần phải suy xét, chẳng hề suy xét, mà tự nhiên hồi ứng, nhất định giúp đỡ quý vị. Sự hồi ứng rõ rệt là tám tướng thành đạo, người ấy đã hồi ứng!

Bởi lẽ, nguyện này là bốn nguyện, là nguyện đã phát nơi nhân địa, hiện thời hoàn toàn thực hiện, có năng lực “*u vô lượng thế giới thành Đẳng Chánh Giác*” (thành Đẳng Chánh Giác trong vô lượng thế giới), chỉ nói một câu này. Một câu bao hàm những điều khác, quý vị thấy kể cả hiện thân thành Phật hóa độ chúng sanh đều có thể, nên hiện làm Bồ Tát, hiện làm Thanh Văn, hiện làm Duyên Giác, hiện làm quốc vương, đại thần, đồng nam, đồng nữ, cho đến hiện thành hoa cỏ, cây cối, núi, sông, đại địa, không có gì chẳng thể thị hiện. Rốt cuộc Ngài thị hiện bằng cách nào? Chính mình chẳng có ý nghĩ gì! “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (thuận theo tâm chúng sanh ứng hợp với khả năng nhận biết của họ), kinh Lăng Nghiêm đã nói như vậy. Vì thế, vẫn là do ý niệm của chúng sanh. Chúng sanh có ý niệm như thế nào, Ngài dùng phương pháp như thế ấy để cảm ứng. Chúng ta chớ nên không biết đạo lý như vậy. Hiểu đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, mới biết chư Phật, Bồ Tát và chúng ta cảm ứng là sự thật, chẳng giả. Hơn nữa, tốc độ cảm ứng vô cùng nhanh chóng, chúng ta có lúc chẳng thể nhận biết, là do bản thân chúng ta nghiệp chướng quá nặng. Nghiệp chướng nhẹ hơn một chút sẽ có thể cảm nhận. Trong thế gian, có những người được gọi là “có công năng đặc dị”, họ có thể thấy, nghe, đối với những tin tức truyền đến chư Phật, Bồ Tát họ nghe thấy, có những hiện tượng bị họ trông thấy, chẳng

phải là không có. Chúng tôi đi qua nhiều nơi, đã thấy khá nhiều người lạ lùng, có thật hay không? Có thể! Từ kinh Phật luôn có thể tìm thấy những lý luận làm căn cứ [để giải thích những hiện tượng ấy].

“*Nguyện*”, kế tiếp là giải thích nguyện, “*thệ nguyện dã*” (là thệ nguyện), tứ hoàng thệ nguyện. “*Pháp Quạt viết: U xuất thế đạo hy cầu vi nguyện. Hy giả, niệm dã, nguyện dã*” (sách Pháp Quạt nói: “Mong cầu đạo xuất thế là nguyện. Hy là niệm, là nguyện”). Do vậy, “*hy cầu*” (希求) giống như chữ Hy (希) trong hy vọng. Trong tâm chúng ta có điều mong cầu, trong nguyện có điều mong cầu, có điều hy cầu. “*Hựu thế giới giả, Thế chỉ thời gian, Giới chỉ không gian*” (Lại nữa, “thế giới”: Thế chỉ thời gian, Giới chỉ không gian). Kinh Phật thường nói đến thế giới, các nhà khoa học hiện thời nói là “thời - không” (thời gian và không gian). “*Thời - không*” như các nhà khoa học thường nói chính là “thế giới” trong kinh Phật. “*Thủ Lăng Nghiêm Kinh viết: Thế vi thiên lưu, Giới vi phương vị. Nhữ kim đương tri, Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, thượng, hạ vi Giới. Quá khứ, vị lai, hiện tại vi Thế*” (Kinh Thủ Lăng Nghiêm dạy: “Thế là đời đời, Giới là phương vị. Nay ông nên biết: “Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, trên, dưới là Giới. Quá khứ, vị lai, hiện tại là Thế”). Đây là đức Phật giải thích chữ Thế Giới trong hội Lăng Nghiêm. “*Đẳng Chánh Giác, kiến Đường dịch, thị vi tân dịch*” (Từ ngữ Đẳng Chánh Giác thấy trong bản dịch đời Đường, là dịch theo lối mới). Bản Ngụy dịch ghi là “*Đẳng Giác*”, tức là cựu dịch. Đẳng Chánh Giác và Đẳng Giác có cùng một ý nghĩa. Các vị dịch giả như Huyền Trang đại sư dịch thành Đẳng Chánh Giác (Samyak-sambodhi); bản Ngụy dịch theo lối cựu dịch, các bản cổ dịch trước thời Huyền Trang đại sư đều dịch là Đẳng Giác. Đẳng Giác có hai ý nghĩa, thứ nhất là “*Đẳng Giác thị Bồ Tát chi cực vị*” (Đẳng Giác là địa vị tối cực trong hàng Bồ Tát). Bồ Tát đạt đến địa vị này bèn viên mãn, chẳng còn có [địa vị Bồ Tát nào] cao hơn nữa. Trên đó là Diệu Giác, mà Diệu Giác là quả vị Phật. “*Tương đắc Diệu Giác chi Phật quả. Kỳ trí huệ công đức đẳng tự Diệu Giác, cố vị chi Đẳng Giác*” (sẽ đắc Phật quả Diệu Giác, trí huệ, công đức gần giống như Diệu Giác, nên gọi là Đẳng Giác). Cũng có nghĩa là Đẳng Giác Bồ Tát kém Phật một bậc, tiến cao lên nữa sẽ là địa vị Diệu Giác. Theo kinh Hoa Nghiêm, địa vị Bồ Tát có năm mươi một đẳng cấp, thấp nhất là địa vị Thập Tín. Địa vị Thập Tín cũng rất lỗi lạc, từ nhân gian của chúng ta tu hành đến mười pháp giới đều là các địa vị thuộc Thập Tín. Tổ sư tông Hoa Nghiêm đã rất chú tâm nói rõ cận kề sự chứng đắc trong các địa vị này như thế nào, nói theo nguyện tắc chung thì toàn bộ đều là buông xuống.

Do vậy, tôi học Phật, thoát đầu, thầy dạy tôi, tôi hỏi Ngài: “Có bí quyết nào để nhập Phật môn hay không? Có phương pháp nào để khế nhập rất nhanh hay không?” Thầy dạy tôi “*nhìn thấu, buông xuống*”. Nhìn thấu suốt giúp quý vị buông xuống. Buông xuống lại giúp quý vị thấy thấu suốt. Hai điều này từ sơ phát tâm cho đến địa vị Như Lai, giúp nhau thành tựu, bí quyết ở ngay chỗ này. Thầy chẳng lừa gạt tôi, ngay hôm đầu tiên đã dạy tôi bí quyết ấy. Nếu chúng ta muốn tiến cao hơn, chẳng buông xuống sẽ không được. Thầy nói, năm mươi một cấp bậc Bồ Tát ví như năm mươi một tầng của một tòa cao ốc, quý vị chẳng bỏ tầng thứ nhất sẽ không lên được tầng thứ hai. Chẳng bỏ tầng thứ hai, sẽ không lên được tầng thứ ba, luôn luôn bảo quý vị hãy buông xuống. Một mực buông xuống, quý vị sẽ đạt tới chỗ đẳng phong tạo cực, sẽ thành công. Chúng ta phàm phu gặp phiền phức là do không buông xuống được, bởi lẽ, chẳng buông xuống được sẽ vĩnh viễn chẳng thể tiến cao hơn.

Quý vị thấy vì sao hiện thời chúng ta chẳng thể tiến tới địa vị Sơ Tín? Do chẳng buông Kiến Hoặc xuống được. Buông xuống bèn là Tu Đà Hoàn, tức là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm. Buông Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến xuống, buông xuống năm thứ kiến giải sai lầm đó, quý vị sẽ chứng đắc. Bí quyết không có gì khác, bí quyết là buông xuống! Học Phật, thật sự học Phật chẳng có gì khác! Thật sự học Phật là học buông xuống! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây.